|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **T THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 29/2018/QĐ-UBND | *Đà Nẵng, ngày 31 tháng 8 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bố sung một số điều của quy định quản lý nhà nước về đất đai trên**

**địa bàn thành phố Đà Nắng, ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ- UBND ngày 26/11/2014 của UBND thành phố Đà Nằng**

**ƯỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật To chức chỉnh quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầt đai ngày 29 thảng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định so 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 cùa Chính phủ quy định chỉ tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 thángr 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bồ sung một số nghị định quy định chi tiết thỉ hành của Luật đất. đai;*

*Căn cứ Công văn số 828/TTg-NN ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tham quyền cấp Giấy chímg nhận quyền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 thảng 01 năm 2015 của Bộ tntởngBộ Tài nguyên vẳ Môi trường quy định chỉ tiết một số điều của Nghị định sô 43/2014/NĐ-CP và Nghị định sô 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 nam 2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 thảng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chí tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định quản lý nhà nước về đât đai trên địa bàn thành phố Đà Nang, ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-ƯBND ngày 26/11/2014 của ƯBND thành phố Đà Nang, như sau:

**.Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:**

“Điều 5. Diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở quy định tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 của Luật Đất đai được quy định cụ thể như sau:

1.Diện tích tối thiểu của thửa đất ở hình thành và thửa đất ở còn lại sau khi tách thửa phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Diện tích đất ở tối thiểu 50,Om1 2 và chiều rộng cạnh thửa đất tối thiểu là 3,0m được áp dụng cho các phường thuộc quận Hải Châu và quận Thanh Khê.
2. Diện tích đất ở tối thiểu 60,0m2 và chiều rộng cạnh thửa đất tối thiểu là

3,0m được áp đụng cho các khu vực sau đây:

- Các phường thuộc quận Sơn Trà;

- Phường Mỹ An, phường Khuê Mỹ thuộc quận Ngũ Hành Sơn;

- Phường Khuê Trung, phường Hòa Thọ Đông thuộc quận cẩm Lệ;

- Phường Hòa Minh, Hòa Khánh Nam thuộc quận Liên Chiểu.

c) Diện tích đất ở tối thiểu 70,Om2 và chiều rộng cạnh thửa đất tối thiểu là 3,5m được áp dụng cho các khu vực sau đây:

- Phường Hòa An thuộc quận cẩm Lệ;

- Các phường còn lại thuộc quận Liên Chiểu, trừ các vị trí quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

d) Diện tích đất ở tối thiểu 80,0m2 và chiều rộng cạnh thửa đất tối thiểu là 4,0m được áp dụng cho các khu vực sau đây:

- Các phường còn lại thuộc quận Ngũ Hành Sơn, trừ các vị trí quy định tại điểm b khoản 1 Điềunày;

- Các phường còn lại thuộc quận cẩm Lệ, trừ các vị trí quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

- Vị trí mặt tiền Quốc lộ 1A, Quốc lộ 14B, Quốc lộ 14G, ĐT 602, ĐT 605 thuộc địa phận huyện Hòa Vang.

-Diện tích đất ở tối thiêu 120,0m2 và chiều rộng cạnh thửa đất tối thiểu là 5,0m được áp dụng cho các xã thuộc huyện Hòa Vang, huyện Hoàng Sa, trừ các vị trí quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

2.Trường họp tách thửa đất có diện tích đất tự mở đường làm lối đi, yêu câu người sử dụng đât có văn bản tự nguyện hiến đất mở đường, có ƯBND phường, xã xác nhận và đường đi mới hình thành tối thiểu phải bằng với lộ giới kiệt hẻm tại khu vực theo quy định đối với các quận: Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Câm Lệ, Liên Chiểu; huyện Hòa Vang từ 5m trở lên và đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật trong khu vực, phần diện tích này thể hiện là đường giao thông.

3.Trường hợp từ 01 thửa đất gốc, người sử dụng đất đề nghị tách từ 05 thửa trở lên (kê cả các thửa đất đã được tách ra trước đó): Giao Sở Xây dựng phối hợp với ủỵ ban nhân dân các quận, huyện ban hành hướng dẫn những quy định cần thiết ve hạ tầng kỹ thuật trước khù thực hiện thủ tục tách thửa đất.

4.Trường hợp người sử dụng đất xin tách thửa mà thửa đất được hình thành từ việc tách thửa không đảm bảo các quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời với việc xin được họp thửa đất đó với thửa đất khác liền kề để tạo thành thửa đât mới đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì được phép tách thửa đông thời với việc họp thửa đất và thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5.Người sử dụng đất không được tách thửa, chia nhỏ các lô đất đã được phê duyệt quy hoạch tại các khu quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ từ 1/2.000 đến 1/500 trên địa bàn thành phô (trừ khu vực quy hoạch đât ở chỉnh trang).

6.Trường hợp quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ từ 1/2000 đen 1/500 đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt xác định thửa đất thuộc quy hoạch đất ở xây dựng mới, đất sử dụng hỗn họp (trong đó có chức năng đất ở) và có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, để thu hồi thực hiện dự án. Sau 03 năm, kể từ ngày rà soát phê duyệt các quy hoạch này, mà chưa có kế hoạch sử dụng đât hàng năm câp huyện hoặc có trong kê hoạch sử dụng đât hàng năm cấp huyện và chưa có thông báo thu hôi đất, chưa có quyêt định thu hồi đất, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bo việc điều chỉnh, hủy bỏ kê hoạch sử dụng đất hàng năm câp huyện thì được tách thửa đât.

7.Quy định tại Điều này, không áp dụng cho các trường hợp sau:

a)Các trường hợp tách thửa do Nhà nước thu hồi một phần thửa đât;

b)Đất hiến tặng cho Nhà nước, đất tặng cho hộ gia đình, cá nhân đê xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa.”

**2.Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:**

“Điều 8. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận, cấp đổi, cấp lại Giây chứng

nhận

1.Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho tổ chức,

cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vôn đâu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.

2.Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhân cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận, Giây chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyên sở hữu công trình xây dựng, trong các trường hợp sau:

a)Khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản thực hiện các quyên của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất mà phải câp mới Giây chứng nhận;

b)Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng;

3.Về chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liên với đât vào Giấy chứng nhận đã cấp và ủy quyền cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:

a)Việc chứng nhận quyên sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đât vào Giấy chứng nhận đã cấp do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện theo quy - định.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đông dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở găn liên với quyên sử dụng đất ở tại Việt Nam khi thực hiện thủ tục tại khoản 2 Điêu này.

Các trường hợp ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đât, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đât dược sử dụng dâu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4.Uy ban nhân dân quận, huyện cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đông dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.”

**3.Sửa đồi khoản 1 Điều 9 như sau:**

“1. Thời gian (ngày làm việc) thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận kể fừ ngày nhận đủ hồ sư họp lệ được quy định như sau:

a) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đât, quyên sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất là không quá 25 ngày;

b) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đât và quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng là không quá 15 ngày;

c) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận khi thay đổi tài sản gắn liền với đất là không quá 15 ngày;

d) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường họp giao đất tái định cư không quá 15 ngày;

đ) Câp đổi Giấy chứng nhận là không quá 07 ngày; trường hợp cấp đổi đông loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày;

e)Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyên sở hữu công trình xây dựng do bị mẳt là không quá 10 ngày.”

**4.Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 10 như sau:**

“a) Trường họp đăng ký đất đai và tài sản jgắn liền với đất thì ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận hiện trạng sử dụng đât so với nội dung kê khai đăng ký, hiện trạng tài sản găn liên với đât so với nội dung kê khai đăng ký; trường họp không cổ giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, Điều 18, 31, 32, 33, 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 15 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bô trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 16, Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP nậày 06/01/2017 của Chính phủ thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đât, sự phù họp với quy hoạch, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản; đôi với nhà ở, công trình xây dựnơ thì xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cap phép xây dựng.”

**5.Sửa đổi điểm e khoản 3 Điều 10 như sau:**

“e) Trường hợp người sử dụng đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận thì gửi số liệu địa chính đên cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính, trừ trường hợp không thuộc đôi tượng phải nộp nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật; chuẩn bị hồ sơ để Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Uy ban nhân dân quận, huyện ký cấp Giấy chứng nhận; cập nhật bổ sung việc câp Giây chứng nhận vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận cho người được cấp.”

**6.Sửa đổi khoản 4 Điều 10 như sau:**

“4. Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

a) Kiêm tra hô sơ và trình ủy ban nhân dân quận, huyện ký cấp Giấy chứng nhận.

b) Chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất

đai.”

**7.Sửa đổi khoản 5 Điều 10 như sau:**

“5. Trường hợp người sử dụng đất đã đăna ký đất đai theo quy định của pháp luật mà nay có nhu cầu câp Giây chứng nhận thì nộp don đê nghị câp Giây chứng nhận; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc quy định tại điêm e khoản 3 và khoản 4 Điêu này.”

**8.Sửa đổi khoản 6 Điều 10 như sau:**

“6. Thời gian thực hiện cụ thể của các đon vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quận, huyện: 02 ngày làm việc.

b) Ủy ban nhân dân phường, xã: 03 ngày làm việc.

c) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: 12 ngày làm việc.

d) Cơ quan Thuế: 03 ngày làm việc.

đ) Phòng Tài nguyên và Môi trường, ủy ban nhân dân quận, huyện: 05 ngày làm việc.

e) Trường họp đối với hồ sơ mà theo quy định của pháp luật phải niêm yết công khai thì cộng thêm thời gian niêm yêt công khai: 15 ngày.”

**9.Sửa đổi khoản 7 Điều 10 như sau:**

“7. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quận, huyện: 02 ngày làm việc.

b) Uy ban nhân dân phường, xã: 03 ngày làm việc.

c) Văn phòng đăng ký đất đai: 10 ngày làm việc.”

**10.Sửa đổi khoản 8 Điều 10 như sau:**

“8. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm d khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a)Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quận, huyện: 02 ngày làm việc.

b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký *ãầt* đai: 07 ngày làm việc; Bô phận tiêp nhận và trả kết quả tại quận, huyện chuyển đồng thời một bộ hồ sơ để Phòng Tài nguyên và Môi trường trình ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành Quyêt định giao đất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ bộ phận tiếp nhận (Phòng Tài nguyên và Môi trường chuỵển ngay Quyêt định giao đât đã ký cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện thủ tục tiêp theo).

c) Cơ quan Thuê: 03 ngày làm việc.

d) Phòng Tài nguyên và Môi trường, ủy ban nhân dân quận, huyện: 03 ngày làm việc.

**11.Sửa đổi khoản 9 Điều 10 như sau:**

“9. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm đ khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quận, huyện: 02 ngày làm việc.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: 05 ngày làm việc.”

**12.Sửa đổi khoản 10 Điều 10 như sau:**

“10. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sư tại điểm e khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quận, huyện: 02 ngày làm việc.

b) Ủy ban nhân dân phường, xã: 02 ngày làm việc.

c) Văn phòng đăng ký đât đai: 06 ngày làm việc.

d)Trường hợp đôi với hồ sơ mà theo quy định của pháp luật phải niêm yêt công khai thì cộng thêm thời gian niêm yết công khai: 15 ngày.”

**13.Sửa đổi, bồ sung điểm a khoản 2 Điều 11 như sau:**

“a) Trường hợp đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất thì ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận hiện trạng sử dụng đât so với nội dưng kê khai đăng ký, hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường họp không có giây tờ quy định tại Điêu 100 của Luật Đất đai, Điều 18, 31, 32, 33, 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 15 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bô trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 16, Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP nệày 06/01/2017 của Chính phủ thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đẫt, sự phù họp với quy hoạch, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản; đôi với nhà ở, công trình xây dựnậ thì xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải câp phép xây dựng.”

**14.Sửa đổi điểm e khoản 3 Điều 11 như sau:**

“e) Trường họp người sử dụng đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận thì gửi số liệu địa chính đên cơ quan thuê đô xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính, trừ trường hợp không thuộc đôi tượng phải nộp nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật; chuân bị hô sơ để Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ưy ban nhân dân quận, huyện ký cấp Giấy chứng nhận; cập nhật bổ sung việc câp Giây chứng nhận vào hô sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận cho người được cấp.”

**15.Sửa đổi khoản 4 Điều 11 như sau:**

“4. Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra hồ sơ và trình ủy ban nhân dân quận, huyện ký cấp Giấy chứng nhận.

b) Chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất

đai.”

**16.Sửa đổi khoản 5 Điều 11 như sau:**

“5. Trường hợp người sử dụnơ đất đẫ đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật mà nay có nhu câu câp Giây chứng nhận thì nộp đơn đê nghị câp Giấy chứng nhận; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đât đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc quy định tại điểm e khoản 3 và khoản 4 Điều này.

**17.Sửa đổi khoản 6 Điều 11 như sau:**

“6. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Ủy ban nhân dân xã: 05 ngày làm việc.

b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: 12 ngày làm việc.

c) Cơ quan Thuế: 03 ngày làm việc.

d) Phòng Tài nguyên và Môi trường, ủy ban nhân dân quận, huyện: 05 ngày làm việc.

đ)Trường hợp đối với hồ sơ mà theo quy định của pháp luật phải niêm yết công khai thì cộng thêm thời gian niêm yết công khai: 15 ngày.”

**18.Sửa đổi khoản 7 Điều 11 như sau:**

“7. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Ủy ban nhân dân xã: 04 ngày làm việc.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: 11 ngày làm việc.”

**19.Sửa đổi khoản 8 Điều 11 như sau:**

“8. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm đ khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Ủy ban nhân dân xã: 02 ngày làm việc.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: 05 ngày làm việc.”

**20.Sửa đổi khoản 9 Điều 11 như sau:**

“9. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm e khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Ủy ban nhân dân xã: 03 ngày làm việc.

b)Văn phòng đăng ký đất đai: 07 ngày làm việc.

c)Trường hợp đối với hồ sơ mà theo quy định của pháp luật phải niêm yết công khai thì cộng thêm thời gian niêm yết công khai: 15 ngày.”

**21.Sửa đổi khoản 5 Điều 12 như sau:**

“5. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Văn phòng đăng ký đất đai: 15 ngày làm việc.

b) Cơ quan Thuế: 03 ngày làm việc.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: 04 ngày làm việc.

d) Ủy ban nhân dân thành phố: 03 ngày làm việc.

e) Trường hợp đối với hồ sơ mà theo quy định của pháp luật phải niêm yêt công khai thì cộng thêm thời gian niêm yết công khai: 15 ngày.”

**22.Sửa đổi khoản 7 Điều 12 như sau:**

“7. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm đ khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Văn phòng đăng ký đất đai: 05 ngày làm việc.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: 02 ngày làm việc.”

**23.Sửa đổi khoản 8 Điều 12 như sau:**

“8. Thời gian thực hiện cụ thể của các đơn vị tại Điều này đối với loại hồ sơ tại điểm e khoản 1 Điều 9 của Quy định này, như sau:

a) Văn phòng đăng ký đất đai: 08 ngày làm việc.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: 02 ngày làm việc.

**24.Sửa đổi khoản 6 Điều 13 như sau:**

“6. Thòi gian thực hiện cụ thể cua các đơn vị lại khoan 4 và khoản 5 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9, như sau:

a) Văn phòng đăng ký đất đai: 10 ngày làm việc.

b) Cơ quan Thuế: 03 ngày làm việc.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: 02 ngày làm việc.

**25. Sửa đổi khoản 1, 4, 5, 6, 7, 9 và bổ sung khoản 11 Điều 15 như sau:**

“1. Chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho,

góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuỵển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chonệ thành của chung vợ và chồng: Thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định so 43/2014/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết và trả kết quả không quá 05 ngay làm việc kê từ ngày nhận đủ hô sơ hợp lệ (không kê thời gian người sử dụng đất, sở hữu tồi sản găn liền với đất thực hiên nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật).

4.Đăng ký biên động đôi với trường hợp thành lập doanh nghiệp tư nhân, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển đổi công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 43/2014/NĐ- CP. Thời hạn giải quyết và trả kết quả không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hô sơ họp lệ (không kê thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật).

5.Đăng kỵ biên động đât đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trủng đấu giá quyền sử dụng đất; giái quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đẩt đai; xử lỵ hợp đông thê châp, góp vốn; kê biên bán đâu giá quyền sử dụng đất, tài sản găn liên với đât đê thi hành án; chia, tách, họp nhât, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyến sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, nhóm người sử dụng đât: Thực hiện theo quy định tại Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết và trả kết quả không quá 10 ngày làm việc kê từ ngày nhận đủ hô sơ họp lệ (không kê thời gian người sử dụng đât, sở hữu tài sản găn liên với đât thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định củapháp luật).

6. Đăng ký biên động đât đai, tài sản găn liền với đất do thay đôi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấỵ chứng nhận; chuyên từ hình thức thuê đât trả tiên hàng năm sang thuê đât trả tiên một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất: Thực hiện theo quỵ định tại Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết và trả ket quả không quá 10 ngàỵ làm việc kể từ ngày nhân đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật).

7.Thực hiện tách thửa hoặc hợp thửa đất: Thực hiện theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết và trả kết quả không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ họp lệ.

9. Gia hạn sử đụng đất; xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hét hạn sử dụng đất: Thực hiện theo quy định tại Điêu 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết và trả kết quả không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ họp lệ.

11. Đính chính Giấy chứng nhận, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyên sở hữu công trình xây dựng đã câp: Thực hiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết và trả kết quả không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ họp lệ.”

**26. Bổ sung khoản 5 vào Điều 18 như sau:**

“5. Chủ trì, phối hợp với ủy ban nhân dân các quận, huyện ban hành hướng dẫn những quy định cần thiết về hạ tầng kỹ thuật trước khi thực hiện thủ tục tách thửa đất.”

**27.Bổ sung khoản 4 vào Điều 22 như sau:**

“4. Phối hợp với Sở Xây dựng ban hành hướng dẫn những quy định cần thiết về hạ tầng kỹ thuật trước khi thực hiện thủ tục tách thửa đất.”

**Điều 2. Xử lý chuyển tiếp**

Hộ gia đình, cá nhân đã nộp hồ sơ họp lệ đề nghị tách thửa đất trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết thủ tục tách thửa thì được tiếp tục giải quyết theo quỵ định tại Quyết định số 42/2014/QĐ-ƯBND ngày 26/11/2014 của UBND thành phố Đà Nắng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/ 9 /2018.

**Điều 4**. Chánh Văn phòng ưỷ ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế thành phô; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ưỷ ban nhân dân thành phô; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận, huyện; Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý đất đai; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố; Chủ tịch Ưỷ ban nhân dân các phường, xã và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyêt định này./.

### TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Đức Thơ**